

Bản án số: 142/2019/HS-PT
Ngày 13-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lượng;
Bà Lê Hồng Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2019/TLPT-HS, ngày 04 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo Trần Ngọc D do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2019/HS-ST, ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Trần Ngọc D, sinh năm 1982 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp B, xã E, huyện A, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Phạm Thị S; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 04/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh O xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số: 48/2017/HSST), chấp hành xong án phạt tù ngày 12/7/2018; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 29/10/2018. Bị cáo có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

Bị hại: Anh Bùi Thanh H, sinh năm 1978.

HKTT: ấp L, xã E, huyện A, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã E, huyện A, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc D là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, do muốn có tiền tiêu xài, Trần Ngọc D đã thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Hủy hoại tài sản”, cụ thể:

Vụ thứ 01: Trần Ngọc D biết rõ các lô cao su của Nông trường M thuộc ấp B, xã E, huyện M, tỉnh Đồng Nai vào ban đêm ít có bảo vệ canh gác nên đã nảy sinh ý định trộm cắp mủ cao su để bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 02 giờ rạng sáng ngày 27/9/2018, D mang theo 08 túi nilon (loại 10kg) đi bộ từ nhà đến lô cao su số 96 Nông trường A lên lút trút mủ cao su từ các chén mủ trên cây cao su vào túi nilon (08 túi mủ). Đến khoảng 05 giờ sáng cùng ngày, D đến nhà ông I, cư trú tại ấp B, xã E, huyện A mượn xe mô tô biển số 60R1-3906 điều khiển xe đến lô cao su chở 06 túi mủ về cất giấu trong vườn nhà D. Sau đó, D quay lại lô lấy tiếp 02 túi mủ còn lại thì bị anh Nguyễn Minh V là nhân viên bảo vệ Nông trường M phát hiện, D bỏ chạy thoát.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 47/KL-HĐĐG, ngày 28/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A kết luận: 88 kg mủ cao su, loại mủ cao su chén khô (mủ bèo, mủ tạp), giá trị tài sản là 941.600 đồng.

Vụ thứ 02: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 26/10/2018, D đến nhà chị Lê Thị K thuộc ấp B, xã E, huyện A, tỉnh Đồng Nai thì thấy mọi người trong nhà đã ngủ, D đi vào phía sau nhà chị K thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu MAJESTY, biển số 60S6-1574, chìa khóa xe vẫn cắm trong ổ công tắc, D lên lút đến dắt xe ra ngoài rồi tẩu thoát.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 56/KL-HĐĐG, ngày 31/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu MAJESTY, màu xám, biển số 60S6-1574, giá trị tài sản là 2.000.000 đồng.

Vụ thứ 03 và thứ 04: Do có mâu thuẫn với anh Bùi Thanh H, cư trú tại ấp B, xã E, huyện A, tỉnh Đồng Nai nên D đã nảy sinh ý định đốt nhà và đập phá cây trong vườn nhà anh H. Khoảng 19 giờ ngày 28/10/2018, D biết anh H đang dự đám tang của người thân không có ở nhà nên D điều khiển xe mô tô biển số 60S6-1574 đến nhà anh H, khi đi D mang theo 01 hộp quẹt ga. Khi đến nhà anh H, D quan sát thấy nhà đóng cửa, không có người trong nhà, D liền nhặt một khúc cây đập phá nhiều cây ăn trái trong vườn. Sau đó, D lấy một tấm vải chăn và quần áo (đang phơi trên sào bên hong nhà) cuộn thành 05 cục vải, kích thước 8m20 x 11m60 nhét vào các góc nhà gỗ rồi dùng hộp quẹt ga châm lửa đốt nhà tại 05 vị trí khác nhau. Sau khi lửa bốc cháy, D mở cửa hông nhà bên phải đi vào bên trong chiếm đoạt 01 tivi nhãn hiệu TCL, 32 Inch, 01 máy bơm nước, 01 tấm chăn bông màu hồng cánh sen, 01 quần tây nam, màu xanh đen, 01 áo khoác màu xanh rêu, 01 áo sơ mi dài tay, màu trắng, 01 bao xác rắn. Sau đó, D mang toàn bộ tài sản trên đến nhà anh Nguyễn Huy C ở ấp R, xã Y, huyện A, tỉnh Đồng Nai để gửi. Tại đây, anh C có hỏi về nguồn gốc số tài sản trên, D nói dối là do bị cha mẹ đuổi đi nên mang số tài sản này đến gửi nhờ, vì chỗ bạn bè nên anh C đồng ý.

Tại Bản kết luận giám định số: 02/PC09-GĐH, ngày 30/11/2018 và Bản kết luận giám định số: 35/2018-KLGD, ngày 06/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: Loại trừ nguyên nhân cháy do tự cháy, loại trừ nguyên nhân cháy do sự cố điện, không tìm thấy thành phần xăng dầu trong mẫu tàn tro gửi đi giám định. Nguyên nhân cháy là do tác động của con người đốt gây cháy. Khả năng dùng chất môi cháy (quần áo, vật dễ cháy...) để thành đồng, rồi dùng môi lửa đốt gây ra vụ cháy.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 58/KL-HĐĐG, ngày 31/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A kết luận: 01 tivi nhãn hiệu TCL, 32 Inch, số model L32D300D, Power Supply 100-240V-50/60Hz 50W; 01 máy bơm nước không rõ nhãn hiệu; 01 cuộn dây điện dài 70m50 nhãn hiệu DAPHACO WIRE UCM 3C-2,85. Tổng giá trị tài sản là 4.550.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 63/KL-HĐĐG, ngày 22/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A, kết luận: Tài sản bị cháy do lửa tính thành tiền là 145.109.640 đồng; cây trồng bị hư hại là 8.009.250 đồng. Tổng giá trị tài sản 153.118.890 đồng.

Vụ thứ 5: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 28/10/2018, D đến công trình đang thi công, xây dựng Công viên văn hóa Y thuộc xã P, huyện A, tỉnh Đồng Nai do anh Lê Văn Đ làm bảo vệ. Lợi dụng lúc anh Đ đang ngủ, D đã lén lút vào nhà lấy trộm 01 laptop nhãn hiệu Dell, Core i5 cùng hệ thống dây sạc nguồn, chuột máy tính không dây; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu gold; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng; 01 cục sạc pin dự phòng; 01 đôi giày và 03 cái ba lô rồi mang về khu nghĩa địa xã E nằm ngủ. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 29/10/2018, D mang laptop nhãn hiệu Dell, Core i5 cùng hệ thống dây sạc nguồn, chuột máy tính không dây cùng 03 cái ba lô đến nhà anh Nguyễn Huy C để gửi, anh C có hỏi về nguồn gốc số tài sản, D nói tài sản D nhặt được nên anh C đồng ý cho D gửi. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, Trần Ngọc D bị Công an huyện A bắt giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 57/KL-HĐĐG, ngày 31/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện A kết luận: 01 laptop nhãn hiệu Dell, Core i5; Latitude E5430 cùng hệ thống dây sạc nguồn, chuột máy tính không dây; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu gold, IMEI 354392062872802; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng. Tổng giá trị tài sản 20.100.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2019/HS-ST, ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên bị cáo Trần Ngọc D phạm tội “Hủy hoại tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 48; Điều 55 Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc D 04 (bốn) năm tù về tội “Hủy hoại tài sản” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Ngọc D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 29/10/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Ngọc D phải bồi thường thiệt hại tài sản cho anh Bùi Thanh H và chị Lê Thị Q số tiền 180.118.890 đồng.

Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 9.005.000 đồng (tính tròn) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/02/2019, bị cáo Trần Ngọc D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/01/2019, bị hại anh Bùi Thanh H có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tăng nặng mức hình phạt và xét xử bị cáo tội “Giết người”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận vào khoảng 19 giờ ngày 28/10/2018, bị cáo đến nhà anh H, chị Q dùng cây đập phá cây trồng và đốt nhà của anh H, chị Q gây thiệt hại tính thành tiền là 153.118.890 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn trộm cắp tài sản của anh H, chị N: 01 tivi nhãn hiệu TCL, 32 Inch; 01 máy bơm nước; 01 tấm chắn bông màu hồng cánh sen; 01 quần tây nam, màu xanh đen; 01 áo khoác màu xanh rêu; 01 áo sơ mi dài tay, màu trắng; 01 bao xác rắn. Khoảng 02 giờ rạng sáng ngày 27/8/2018, bị cáo đến lô cao su số 96 Nông trường A trộm 88 kg mủ cao su chén. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 26/10/2018, bị cáo chiếm đoạt tài sản của chị K 01 xe mô tô nhãn hiệu MAJESTY, biển số 60S6-1574. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 28/10/2018, bị cáo chiếm đoạt tài sản của anh Đ gồm: 01 laptop nhãn hiệu Dell, Core i5 cùng hệ thống dây sạc nguồn, chuột máy tính không dây; 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu gold; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng; 01 cục sạc pin dự phòng; 01 đôi giày và 03 cái ba lô. Tổng giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt đối với hành vi trộm cắp tài sản là 27.591.600 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và kết án bị cáo Trần Ngọc D đã phạm vào tội “Hủy hoại tài sản” và “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 178 và khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[2] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo thực hiện. Bị cáo đã có tiền án về tội “Cướp giật tài sản” chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên đối với tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho anh H, chị Q số tiền 20.000.000 đồng nên cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo Trần Ngọc D 04 năm tù về tội “Hủy hoại tài sản” và 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Ngọc Dũng phải chấp hành hình phạt chung của hai tội 06 năm 06 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do thời gian trước đây bị cáo có uống thuốc điều trị tâm thần nhưng không có chứng cứ chứng minh cung cấp cho Tòa án. Ngoài ra, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác để Hội đồng xét xử xem xét nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[3] Đối với kháng cáo của bị hại anh Bùi Thanh H: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tăng mức hình phạt đối với bị cáo do bị cáo trộm cắp có tính chất chuyên nghiệp, toàn bộ tài sản của bị hại không còn và tài sản bị hại bị thiệt hại thực tế nhiều hơn so với kết luận giám định. Tuy nhiên, như đã nhận định trên thì kháng cáo của bị hại không có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt.

[4] Về áp dụng pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định việc bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho anh H, chị Q số tiền 20.000.000 đồng để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt nhưng không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là thiếu sót nên cần bổ sung.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết lại.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Trần Ngọc D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng. Bị hại anh Bùi Thanh H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc D và bị hại Bùi Thanh H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2019/HS-ST, ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A.

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc D phạm tội “Hủy hoại tài sản” và “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 178; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc D 04 (bốn) năm tù về tội “Hủy hoại tài sản” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Ngọc D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là **06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 29/10/2018.

2. Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện A;
- VKSND huyện A;
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS A;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ-Công an Đồng Nai;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Triệu Thị Huỳnh Hoa